

Bản án số: **63/2020/DS-ST**.

Ngày: **12-8-2020**.

V/v tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hui”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khanh**;
2. Ông **Huỳnh Khởi**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Cúc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Hồng V**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Tấn M**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2020 của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng V cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà V trình bày:*

Bà là tổ trưởng góp hui xoay vòng cùng mấy chục chị em góp vốn vào tổ hui nhằm để phát triển kinh tế gia đình. Ông **Nguyễn Tấn M** cùng vợ tên **Trần Thị Cúc** có tham gia hui, sau khi hót hui xong thì không đóng lại hui chết, cụ thể như sau:

- *Phần hui thứ nhất:* Hui 2.000.000 đồng, khai ngày 06/01/2012, gồm 21 phần, ông **M** hót ngày 06/3/2012, ông **M** đóng được 19 lần, còn thiếu 02 lần là 4.000.000 đồng.

- *Phần hui thứ hai:* Hui 2.000.000 đồng, khai ngày 06/8/2012, gồm 26 phần, ông **M** hót ngày 06/10/2012, ông **M** đóng được 17 lần, còn thiếu 09 lần là 18.000.000 đồng.

- *Phần hui thứ ba:*

+ Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/01/2013, gồm 25 phần, ông M hốt ngày 20/02/2013, ông M đóng được 16 lần, còn thiếu 09 lần là 9.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20/01/2013, gồm 25 phần, ông M hốt ngày 20/11/2013, ông M đóng được 15 lần, còn thiếu 10 lần là 10.000.000 đồng.

- Phần hụi thứ tư: Hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 15/3/2013, gồm 21 phần, ông M hốt ngày 15/6/2013, ông M đóng được 13 lần, còn thiếu 08 lần là 40.000.000 đồng.

- Phần hụi thứ năm:

+ Dây 1: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/11/2012, gồm 26 phần, ông M hốt ngày 10/5/2013, ông M đóng được 13 lần, còn thiếu 13 lần là 13.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 10/11/2012, gồm 26 phần, ông M hốt ngày 10/11/2013, ông M đóng được 13 lần, còn thiếu 13 lần là 13.000.000 đồng.

- Phần hụi thứ sáu: Hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 30/5/2012, gồm 27 phần, ông M hốt ngày 30/02/2013, ông M đóng được 18 lần, còn thiếu 09 lần là 9.000.000 đồng.

Ngoài ra những lần đóng hụi ông M còn thiếu lại bà 10.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông M còn thiếu lại bà 126.000.000 đồng.

Sau đó ông M đã trả dần cho bà được 49.000.000 đồng. Còn lại là 77.000.000 đồng.

Bà Trần Thị Hồng V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc bà Trần Thị Cúc và ông Nguyễn Tấn M có trách nhiệm trả lại bà số tiền hụi còn thiếu là 77.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 27/7/2020 sau khi hai bên đối chiếu nợ và thống nhất số nợ là 77.000.000 đồng. Bà Trần Thị Hồng V thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tấn M trả cho bà số nợ là 77.000.000 đồng, bà không yêu cầu bà Trần Thị Cúc cùng trả, bà cũng không yêu cầu lãi suất.

* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Tấn M trình bày:

Theo bản tự khai ngày 25/5/2020 ông M nộp cho Tòa án nội dung: Ông thừa nhận có nợ nguyên đơn số tiền là 77.000.000 đồng tiền hụi là đúng sự thật, ông không phản đối và không yêu cầu phản tố. Nay do hoàn cảnh khó khăn ông xin trả chậm cho nguyên đơn mỗi tháng 200.000 đồng đến khi dứt nợ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông.

Nguyên đơn không đồng ý với ý kiến bị đơn về thời gian trả nợ nên hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Tấn M vắng mặt lần thứ nhất, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông M và ông có trình bày ý kiến của ông đối với các yêu cầu của nguyên đơn và ông M đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ông, ông không khiếu nại về sau, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên Tòa án tiến

hành xét xử vắng mặt ông M theo qui định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Hồng V đã thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc ông Nguyễn Tấn M trả cho bà số nợ là 77.000.000đồng, bà không yêu cầu bà Trần Thị Cúc cùng trả, bà không yêu cầu lãi suất. Việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi này.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trần Thị Hồng V yêu cầu buộc ông Nguyễn Tấn M trả cho bà số nợ là 77.000.000đồng, bà không yêu cầu lãi suất.

[2.2] Theo các bên đương sự trình bày và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thực hiện hợp đồng góp hui mặt dù không lập thành văn bản nhưng đã đối chiếu và thống nhất số nợ với nhau được các bên thừa nhận toàn bộ không ai phản đối nên Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết có thật, các bên không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn xin trả chậm cho nguyên đơn mỗi tháng 200.000đồng đến khi dứt nợ là quá ít nguyên đơn không đồng ý.

[3] Từ những phân tích ở Mục [2] là có căn cứ để buộc ông Nguyễn Tấn M phải có nghĩa vụ trả cho bà V số tiền 77.000.000đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đây là hui đầu thảo và có lãi ông M đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ của hui viên theo quy định tại Điều 17, 19, 20, 29 và Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ - CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường; khoản 1 Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ - CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường. Bà V không yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí:

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 479 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 1, Điều 27 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu, phường;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng V.

Buộc ông Nguyễn Tấn M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Hồng V số tiền là 77.000.000 đồng (bảy mươi bảy triệu đồng). Bà Trần Thị Hồng V không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Trần Thị Hồng V có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng ông Nguyễn Tấn M phải trả cho bà Trần Thị Hồng V theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Tấn M phải chịu 3.850.000 đồng (Ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Hồng V không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Hồng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.975.000 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004074 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Dương sự;
- Lưu.

TRẦN THANH BÌNH